

## THÔNG BÁO

### Công khai dự toán ngân sách xã Tân Dân năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã

Thực hiện Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành thực hiện dự toán thu, chi ngân sách;

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã Tân Dân đã ban hành Tờ trình số 51/ TTr- UBND ngày 20/12/2023 về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Một số biện pháp điều hành ngân sách năm 2024.

Ủy ban nhân dân xã công khai, chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND xã quyết định dự toán ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã:

#### I. Công khai số liệu dự toán ngân sách xã trình Hội đồng nhân dân xã

Chi tiết có các biểu mẫu biểu ban hành theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính kèm theo.

#### II. Công khai thuyết minh dự toán ngân sách:

##### 1. Thu ngân sách nhà nước năm 2024:

##### 1.1 Nguyên tắc:

(1) Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN.

(2) Đảm bảo nguyên tắc triển khai nhiệm vụ thu NSNN năm 2024 đảm bảo tối thiểu mức dự toán thu ngân sách do UBND thành phố giao. UBND xã phấn đấu tăng thu 10% số thu ngân sách trên địa bàn so với dự toán thành phố giao.

##### 2.1 Nguyên tắc phân bổ dự toán chi:

##### 2.1.1. Chi đầu tư:

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;



- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Theo phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư được quy định tại Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn năm 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 13/11/2021, số 16/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh và các văn bản pháp luật có liên quan. Bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các vùng miền, trong đó ưu tiên vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các vùng động lực, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện KTXH khó khăn.

### 2.1.2. Chi thường xuyên:

- Định mức phân bổ tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và cấp bù 10 triệu đồng/ biên chế kinh phí chi khác phân bổ theo định mức tiêu chí biên chế đối với các lĩnh vực. Theo đó định mức/ biên chế tăng từ 55 triệu đồng/ biên chế lên 65 triệu đồng/ biên chế.

- Dự toán chi mua sắm tài sản, cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; Kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (Trừ các khoản lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện cải cách tiền lương.

- Dự toán kinh phí chi chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn năm 2024: Phân bổ theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Riêng mức khoán kinh phí hoạt động phân bổ giữ nguyên theo Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ( Theo Điểm d, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh).

- Tiếp tục phân bổ kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã theo Quy định số 01-QĐ/TU ngày 28/5/2018 của Tỉnh Ủy Quảng Ninh về chế độ chi tiêu hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và các đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy: 30 triệu đồng/ xã.

- Năm 2024 sẽ diễn ra Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt nam các cấp, thành phố phân bổ hỗ trợ kinh phí: Đại hội MTTQ Việt Nam cấp xã 110 triệu đồng/ xã, Hội nghị Ban công tác mặt trận thôn 3 triệu đồng/ thôn.

- Phân bổ kinh phí sửa chữa, bổ sung trang thiết bị thiết chế văn hóa thông tin:



30 triệu đồng/ xã.

- Dự phòng ngân sách: Bố trí dự phòng ngân sách mức 2% tổng chi đầu tư và chi thường xuyên, đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

- Phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu kinh phí An toàn giao thông năm 2024 mức 40 triệu đồng/ năm.

UBND xã Tân Dân thông báo để Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, các ngành, đoàn thể và các thôn trên địa bàn xã được biết./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC- KH TP ( B/c)
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND (B/c)
- Các thôn
- LưuVT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Ngọc Thủy**





UBND Xã: Tân Dân

Biểu số 103/CK TC - NSNN

## CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.734.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.734.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	28.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	33.000.000	II. Chi thường xuyên	8.560.000.000
III. Thu bổ sung	7.882.000.000	III. Dự phòng	174.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	7.842.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	40.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Cân đối chi từ nguồn CCTL NSX	791.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

1. The first part of the paper is devoted to the study of the properties of the function  $f(x)$  defined by the equation  $f(x) = \int_0^x f(t) dt$ . It is shown that  $f(x) = 0$  for all  $x$ .

2. In the second part, we consider the problem of the existence of solutions of the differential equation  $y' = P(x)y + Q(x)$  for a given function  $P(x)$  and  $Q(x)$ .

3. The third part is devoted to the study of the properties of the function  $f(x) = \int_0^x f(t) dt$  and its derivatives.

4. In the fourth part, we consider the problem of the existence of solutions of the differential equation  $y' = P(x)y + Q(x)$  for a given function  $P(x)$  and  $Q(x)$ .

5. The fifth part is devoted to the study of the properties of the function  $f(x) = \int_0^x f(t) dt$  and its derivatives.

6. In the sixth part, we consider the problem of the existence of solutions of the differential equation  $y' = P(x)y + Q(x)$  for a given function  $P(x)$  and  $Q(x)$ .



В. П. ПЕТРОВ





UBND Xã: Tân Dân

Biểu số 104/CK TC - NSNN

# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2	
	<b>Tổng số (I+II)</b>	16.313.455.668	16.273.387.254	8.782.000.000	8.734.000.000	54	54	
A	Tổng thu trên địa bàn	94.466.327	54.397.913	109.000.000	61.000.000	115	112	
I	Chi cục thuế thu	73.216.327	33.147.913	86.000.000	38.000.000	117	115	
1	Thuế ngoài quốc doanh ( VAT, TNDN)	35.717.593	18.215.972	45.000.000	23.000.000	126	126	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	13.075.345	6.537.673	12.000.000	6.000.000	92	92	
3	Lệ phí Môn bài	3.600.000	3.600.000	5.000.000	5.000.000	139	139	
4	Thuế thu nhập cá nhân hộ KD	17.614.419	1.585.298	21.000.000	2.000.000	119	126	
6	Thuế sử dụng đất Phi NN thu từ Doanh nghiệp	3.208.970	3.208.970	3.000.000	2.000.000	93	62	
II	<b>Xã trực tiếp thu</b>	<b>21.250.000</b>	<b>21.250.000</b>	<b>23.000.000</b>	<b>23.000.000</b>	<b>108</b>	<b>108</b>	
1	Thu Phí, lệ phí trừ lệ phí Môn bài	11.000.000	11.000.000	9.000.000	9.000.000	82	82	
2	Thu khác	10.250.000	10.250.000	14.000.000	14.000.000	137	137	
B	Thu cấp trên cân đối, bổ sung có mục tiêu	15.332.806.000	15.332.806.000	7.882.000.000	7.882.000.000	51	51	
1	Bổ sung cân đối	6.662.000.000	6.662.000.000	7.842.000.000	7.842.000.000	118	118	
2	Bổ sung có mục tiêu	8.670.806.000	8.670.806.000	40.000.000	40.000.000	0	0	
C	Thu chuyển nguồn	507.876.311	507.876.311			0	0	
D	Thu kết dư	378.307.030	378.307.030					
E	Cân đối chi từ nguồn CCTL			791.000.000	791.000.000			







UBND Xã: Tân Dân

Biểu số 105/CK TC - NSNN

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)				DỰ TOÁN NĂM 2024				SO SÁNH (%)			
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3			
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>11.757.000.000</b>	<b>5.030.000.000</b>	<b>6.727.000.000</b>	<b>8.734.000.000</b>		<b>8.734.000.000</b>	<b>74,3</b>					<b>129,8</b>
	Trong đó:												
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	862.000.000		862.000.000	1.104.000.000		1.104.000.000	128,1					128,1
	Chi dân quân tự vệ	384.000.000		384.000.000	508.000.000		508.000.000	132,3					132,3
	Chi trật tự an toàn xã hội	478.000.000		478.000.000	596.000.000		596.000.000	124,7					124,7
2	Chi giáo dục	40.000.000		40.000.000	40.000.000		40.000.000	100,0					100,0
3	Chi y tế												
4	Chi văn hóa, thông tin	25.000.000		25.000.000	50.000.000		50.000.000	200,0					200,0
5	Chi phát thanh, truyền thanh	50.000.000		50.000.000	55.000.000		55.000.000	110,0					110,0
6	Chi thể dục, thể thao	45.000.000		45.000.000	45.000.000		45.000.000	100,0					100,0
7	Chi bảo vệ môi trường												
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.090.000.000	5.030.000.000	60.000.000	60.000.000		60.000.000	1,2					100,0
	Giao thông	270.000.000	250.000.000	20.000.000	20.000.000		20.000.000	7,4					100,0
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1.610.000.000	1.570.000.000	40.000.000	40.000.000		40.000.000	2,5					100,0
	Thị chính	3.210.000.000	3.210.000.000					0,0					
	Thương mại, du lịch												
	Các hoạt động kinh tế khác												
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.249.000.000		5.249.000.000	6.883.000.000		6.883.000.000	131,1					131,1
	Dự nguồn CCTL	110.000.000		110.000.000	130.000.000		130.000.000	118,2					118,2
	Quản lý Nhà nước	3.958.800.000		3.958.800.000	5.146.100.000		5.146.100.000	130,0					130,0
	Đảng Công sản Việt Nam	342.700.000		342.700.000	574.700.000		574.700.000	167,7					167,7
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	131.500.000		131.500.000	345.700.000		345.700.000	262,9					262,9
	Đoàn Thanh niên Công sản HCM	112.500.000		112.500.000	152.500.000		152.500.000	135,6					135,6
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	112.500.000		112.500.000	159.500.000		159.500.000	141,8					141,8
	Hội Cựu chiến binh	137.500.000		137.500.000	183.500.000		183.500.000	133,5					133,5



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Nông dân	228.500.000		228.500.000	191.000.000		191.000.000	83,6		83,6
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	115.000.000		115.000.000						
10	Chi cho công tác xã hội	137.000.000		137.000.000	156.000.000		156.000.000	113,9		113,9
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	55.700.000		55.700.000	69.800.000		69.800.000	125,3		125,3
	Trợ cấp xã hội									
	Khác	81.300.000		81.300.000	86.200.000		86.200.000	106,0		106,0
11	Chi khác	128.000.000		128.000.000	167.000.000		167.000.000	130,5		130,5
12	Dự phòng	131.000.000		131.000.000	174.000.000		174.000.000	132,8		132,8
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
14	Nộp trả ngân sách cấp trên									

